

Bản án số: 453/2017/HSST

Ngày: 17/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 382/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đàm Mạnh T.** Sinh ngày 16 tháng 5 năm 1990.

Tên gọi khác: T Béo.

HKTT: 3/172, đường Đ, phường Đ, quận L, TP. H.

Chỗ ở: số nhà 76 đường 208, xã A, huyện A, TP. H.

Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Công nhân.

Con ông Đàm Văn T, sinh năm 1958 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1963.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất. Có vợ: Lê Thị Lan H, sinh năm 1991. Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 22/10/2015, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Mạnh T:* Ông Hà Mạnh T - Luật sư của Văn phong Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt

- *Người bị hại*: Ngô Thị Kim C, sinh năm 1955;

Địa chỉ: E33, đường P, khu phố 1, phường Q, TP. B, tỉnh Đ. Có đơn xin vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đàm Mạnh T, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13h00 ngày 20/10/2015 bà Ngô Thị Kim C, HKTT: KP1, phường Q, TP Biên Hòa nhận được cuộc gọi vào số điện thoại cố định 0613 846308 của gia đình bà, với nội dung thông báo bà nợ tiền cước điện thoại là 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm ngàn đồng), do chưa thanh toán nên vụ việc được chuyển sang cho Công an giải quyết. Sau đó, bà C tiếp tục nghe điện thoại của một người đàn ông khác tự xưng là Trung tá Công an thuộc Bộ Công an nói chính xác những thông tin của bà C gồm số điện thoại, số chứng minh nhân dân, địa chỉ nhà. Đồng thời nói với bà C những thông tin này đã được đăng ký để mở tài khoản tại ngân hàng S, TPHCM giao dịch liên quan đến hồ sơ mua bán ma túy, rửa tiền. Tưởng thật nên bà C nói với đối tượng là chỉ có 01 sổ tiết kiệm ngân hàng HD và đối tượng đã yêu cầu bà C vay lại 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) từ sổ tiết kiệm để chuyển vào tài khoản ngân hàng tên Đỗ Văn T - Ngân hàng V - Chi nhánh HD, số tài khoản 0341006980687 để Công an điều tra và chứng minh bà C vô tội, sau khi chứng minh xong sáng ngày 21/10/2015 bà C đến ngân hàng V để nhận lại số tiền trên. Đối tượng nói với bà C là ngân hàng H đã bán thông tin của bà cho đối tượng xấu để mở tài khoản tại ngân hàng S để nhận tiền phạm pháp và yêu cầu bà C giữ kín thông tin trên. Do lo sợ, nên bà C đã đến ngân hàng HD vay tiền từ sổ tiết kiệm của mình và lúc 16h15 ngày 20/10/2015 chuyển số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng tên Đỗ Văn T. Sự việc xảy ra, nghi ngờ bị lừa đảo nên bà C đến trình báo sự việc tại cơ quan Công an. Sau khi tiếp nhận tin báo, khoảng 10h00 ngày 21/10/2015, cơ quan CSĐT- CA tỉnh Đồng Nai đã phối hợp với công an tỉnh H bắt giữ Đàm Mạnh T khi T đang làm thủ tục rút tiền tại ngân hàng V chi nhánh KT, tỉnh H.

Đàm Mạnh T là em rể của Lê Thanh Đ. Đầu tháng 10/2015, Đ nói với T nếu muốn làm ăn với Tr (không rõ họ, địa chỉ) là người quen của Đ bằng hình thức mua giấy CMND của người khác để lập tài khoản ngân hàng, sau đó rút tiền ra cho Tr thì sẽ được hưởng lợi thì T đồng ý, rồi T đi đến đường T, quận, TP H mua của một người đàn ông (không rõ họ, địa chỉ) 01 giấy CMND số: 031933474 mang tên Đỗ Văn T, sinh: 06/02/1983, HKTT: 19 lô 2, An Lạc 3, Sở Dầu, quận H, TP H với giá 100.000đ (Một trăm ngàn đồng). Sau đó Đ và T hẹn nhau để gặp Tr. Ngày 13/10/2015, Tr và Đ, T gặp nhau tại một quán ăn sáng trên đường A (không rõ tên địa chỉ), TP H. Tại đây, T đã đưa CMND mang tên Đỗ

Văn T kèm theo ảnh của T cho Đ, Đ đưa cho Tr cầm giấy CMND ra về trước. Lúc này, Đ đã nói cho T biết nếu rút được 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) thì T được hưởng tiền 2,5% (khoảng 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)). Chiều ngày 13/10/2015, Đ hẹn T đến nhà của Đ. Tại đây, Tr đưa CMND mang tên Đỗ Văn T đã thay ảnh của T vào rồi chở T đến ngân hàng V chi nhánh KT, tỉnh H để T làm thủ tục mở tài khoản mang tên Đỗ Văn T và số điện thoại liên lạc là 0981362028 (do Tr cung cấp). Sau khi làm thủ tục Ngân hàng đã cấp cho T mã tài khoản số: 0341006980687, đến chiều ngày 20/10/2015 Tr điện thoại thông báo cho T biết đã có tiền trong tài khoản rồi và đến đón T đi để rút tiền. Trên đường đi Tr đưa cho T xem tin nhắn của ngân hàng với nội dung: bà Ngô Thị Kim C, sinh: 1955; địa chỉ: Biên Hòa, Đồng Nai chuyển vào tài khoản số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Khi cả hai đến ngân hàng V, chi nhánh KT, tỉnh H, T vào rút tiền, nhưng do hết giờ làm việc nên không giao dịch được. Khoảng 08h00 ngày 21/10/2015, Tr tiếp tục chở T đến ngân hàng V, Phòng giao dịch L, TP H, làm thủ tục rút tiền. T điền thông tin trên giấy rút tiền với tên Đỗ Văn T, số tiền đề nghị rút là 374.800.000đ (Ba trăm bảy mươi tư triệu tám trăm ngàn đồng), viết xong T ký, ghi tên Đỗ Văn T và đưa cho nhân viên ngân hàng. Sau khi kiểm tra, nhân viên ngân hàng nói không tìm thấy chữ ký mẫu cho T ký, nên hẹn đầu giờ chiều quay lại. Đến khoảng 10h00 cùng ngày, Tr chở T đến ngân hàng V chi nhánh KT, tỉnh H. Đến nơi, Tr đứng đợi bên ngoài còn T vào làm thủ tục rút tiền. Khi T đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị Công an bắt giữ, còn Tr đã chạy thoát, ngày 28/10/2015 T bị khởi tố, ngày 19/11/2015 Đ bị khởi tố để điều tra xử lý.

Quá trình điều tra, Đàm Mạnh T và Lê Thanh Đ khai nại và không thừa nhận việc Đ giới thiệu T với Tr và hướng dẫn T mua giấy chứng minh nhân dân của người khác về thay ảnh của T vào rồi cùng Tr lập tài khoản ngân hàng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) của bà Ngô Thị Kim C nên chưa đủ cơ sở để kết luận Đ có hành vi đồng phạm với T.

**Vật chứng thu giữ:*

- 01 CMND số 031571817, 01 giấy phép lái xe số A0654882, 01 thẻ thanh toán số 3533069111, 01 giấy cầm đồ, 01 hợp đồng cho vay, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos số Imei 354728/06/512390/1, 01 ví da nhãn hiệu Armani, 01 vòng đeo tay màu bạc, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Halei (đã qua sử dụng) do không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị can Đàm Mạnh T.

- 01 Chứng minh nhân dân số 031477238, 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1, 01 ĐTDĐ hiệu Apple 5S, số seri DX4NX1Q3FFG9, màu trắng do không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị can Lê Thanh Đ.

- 01 thẻ ngân hàng Vietcombank số TK 0341006980687 mang tên Đỗ Văn T.

- 01 giấy CMND số 031933474 mang tên Đỗ Văn T.

- Số tiền 1.060.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) của bị can Đàm Mạnh T.

- Số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Ngô Thị Kim C.

Tại bản kết luận giám định số 27/KLGD ngày 22/01/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Hình dấu tròn Công an TP H trên giấy CMND mang tên Đỗ Văn T với hình dấu tròn Công an TP H trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu trực tiếp đóng ra. Hình dấu chữ ký mang tên Đỗ Hữu C trên giấy CMND mang tên Đỗ Văn T với hình dấu chữ ký mang tên Đỗ Hữu C trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu trực tiếp đóng ra. Giấy chứng minh nhân dân số 031933474 mang tên Đỗ Văn T đã bị thay ảnh.

Về trách nhiệm dân sự: bà Ngô Thị Kim C đã nhận lại số tiền 375.000.000đ và không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 405/CT/VKS-HS ngày 10 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Đàm Mạnh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự và tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức”, quy định tại khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đàm Mạnh T theo điều khoản và các tội danh như đã nêu trên; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Đàm Mạnh T, như sau:

- Từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Từ 06 đến 08 tháng tù về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội danh buộc bị cáo phải chấp hành chung theo quy định của pháp luật

* Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đàm Mạnh T trình bày tại phiên tòa:

Về tội danh: Không nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa quy kết đối với bị cáo. Bởi hành vi của bị cáo T sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn T đã được thay ảnh của bị cáo vào mục đích để mở tài khoản tại Ngân hàng nhằm rút tiền chuyển đến chỉ là thủ đoạn gian dối của hành vi “chiếm đoạt” chứ thủ đoạn gian dối này không thể định danh thành tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 266 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Viện kiểm sát rút truy tố đối với tội danh “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức”, nếu không rút đối với tội danh này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định bị cáo không phạm vào tội danh này.

Về tính chất, mức độ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Hành vi chiếm đoạt của bị cáo rất mờ nhạt, bị cáo T chỉ là người giữ vai trò thứ yếu khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, thủ đoạn gian dối của bị cáo không phải là yếu tố chủ yếu quyết định việc chiếm đoạt được tài sản của người bị hại.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, có ông bà nội là người có công với cách mạng, có hoàn cảnh khó khăn khi phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội nhưng chưa đạt theo quy định tại Điều 18 Bộ luật Hình sự.

Về số tiền của bị cáo bị tạm giữ là tiền không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo.

Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 139; Điều 18; điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 52 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 144/2016/ QH13 về áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức phạt tù bằng thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

* Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức về hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

- Về án phí: Bị cáo Đàm Mạnh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo.

XÉT THẤY

- Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người bị hại bà Ngô Thị Kim C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 191 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Đàm Mạnh T khai, vào năm 2008 bị cáo và Tr (không rõ lai lịch, địa chỉ) cùng ở bên nước Nga, do là đồng hương nên vẫn hay chơi và quen biết nhau, năm 2010 bị cáo về Việt Nam, Tr về sau. Đến khoảng tháng 10/2015, thông qua anh rể của bị cáo là Lê Thanh Đ thì bị cáo gặp lại Tr ở khu vực C, thuộc huyện T, TP. H. Sau đó Tr đặt vấn đề bảo bị cáo mua 01 chứng minh nhân dân nam giới để mở tài khoản Ngân hàng và đưa ảnh chứng minh nhân dân kích thước (2 x 3cm) của bị cáo cho Tr với mục đích để Tr thay ảnh của bị cáo vào chứng minh nhân dân của người khác, rồi dùng chứng minh nhân dân này tới Ngân hàng đăng ký mở tài khoản để có người sẽ chuyển tiền vào, bị cáo có nhiệm vụ tới Ngân hàng làm thủ tục rút tiền ra và sẽ được chia phần trăm (2,5%) trên số tiền rút được thì bị cáo đồng ý. Bị cáo không trao đổi gì với Tr về việc lừa tiền của người khác và cũng không biết nguồn tiền trong tài khoản của bị cáo mở tại Ngân hàng là do lừa đảo, khi bị bắt thì bị cáo mới biết là tiền lừa đảo. Để thực hiện hành vi trên, bị cáo đã đi mua chứng minh nhân dân của người khác tên Đỗ Văn T, rồi đưa chứng minh nhân dân này kèm theo ảnh chân dung (2 x 3cm) của mình cho Tr để Tr thay vào chứng minh nhân dân tên Đỗ Văn T đã mua, với mục đích để qua mặt nhân viên Ngân hàng nhằm được mở tài khoản giao dịch rút tiền của người bị hại bà Ngô Thị Kim C.

Xét thấy, hành vi bị cáo dùng ảnh của mình thay vào chứng minh nhân dân của người khác đã làm sai lệch nội dung và sử dụng giấy chứng minh nhân dân đã được thay ảnh này, bị cáo đến Ngân hàng V - Chi nhánh KT, tỉnh H đăng ký mở tài khoản lấy tên chủ tài khoản là Đỗ Văn T mà không phải đăng ký tên tuổi, địa chỉ thật của mình và đã được Ngân hàng cấp cho bị cáo mã tài khoản số

0341006980687 để giao dịch. Đến khi biết được bà C chính là người đã chuyển số tiền 357.000.000đ vào tài khoản trên, bị cáo T nhận thức được rõ số tiền trong tài khoản 0341006980687 không phải là tiền của mình nhưng bị cáo vẫn trực tiếp tự mình làm thủ tục rút tiền ra nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà C là hành vi vi phạm pháp luật và chính bản thân bị cáo cũng nhận thức rõ hành vi này là phi pháp, nhưng vì mục đích háms lợi mà bị cáo vẫn thực hiện. Việc bà C đã chuyển số tiền 375.000.000đ vào số tài khoản 0341006980687 của bị cáo đã mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh KT, tỉnh H là tội phạm đã hoàn thành.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự và Điều 266 của Bộ luật Hình sự.

- Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và rất nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân.

Với hành vi phạm tội như đã nêu và số tiền chiếm đoạt, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Hình sự, như truy tố của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

Do vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

Ngoài ra, trong vụ án còn có vai trò của Nguyễn Văn Tr và Lê Thanh Đ, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, yêu cầu: Điều tra bổ sung, khởi tố vụ án đối với Nguyễn Văn Tr, về hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 và tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của Cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 266 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hiện nay chưa bắt được Tr, nên Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an TP. Biên Hòa tiếp

tục điều tra, xác minh làm rõ vai trò trách nhiệm của Tr, khi nào bắt được Tr sẽ tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Lê Thanh Đ: Vào ngày 10/8/2017, Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa đã ra Quyết định số 6267/QĐ-VKS, đình chỉ vụ án đối với bị can Lê Thanh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xác định Lê Thanh Đ có hành vi đồng phạm với Đàm Mạnh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà Ngô Thị Kim C.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có .

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đàm Mạnh T đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) của chủ sở hữu là bà Ngô Thị Kim C đã nhận lại, nên chưa gây thiệt hại; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì vợ của bị cáo mới sinh con nhỏ cần tiền chi tiêu, bản thân bị cáo lại thiếu suy nghĩ, dẫn đến việc phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và lần đầu phạm tội; ngoài ra bị cáo còn có ông nội và bà nội là người có công với nước. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47, Điều 53 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ, xét xử dưới khung hình phạt của điều luật cho bị cáo là có căn cứ.

- Đối với tên Đỗ Văn T, hiện không có mặt tại địa phương Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh khi nào rõ xử lý sau.

** Về xử lý vật chứng trong vụ án:*

- 01 Chứng minh nhân dân số 031571817; 01 giấy phép lái xe số A0654882; 01 thẻ thanh toán số 3533069111; 01 giấy cầm đồ; 01 hợp đồng cho vay; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos số Imei 354728/06/512390/1; 01 ví da nhãn hiệu Armani; 01 vòng đeo tay màu bạc; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Halei (đã qua sử dụng). Các giấy tờ và tài sản này, do không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Đàm Mạnh T, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- 01 Chứng minh nhân dân số 031477238, 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1, 01 điện thoại di động hiệu Apple 5S, số seri DX4NX1Q3FFG9, màu trắng do không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lê Thanh Đ, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với 01 thẻ ngân hàng V số TK 0341006980687 mang tên Đỗ Văn T, là phương tiện để bị cáo thực hiện tội phạm. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của

Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, cần tịch thu và tiêu huỷ (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/12/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Đối với số tiền 1.060.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nên hoàn trả lại cho bị cáo Đàm Mạnh T số tiền trên (Theo biên bản lai thu tiền số 03037 ngày 24/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Đối với số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Ngô Thị Kim C, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Đối với lời luận tội của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa trình bày tại phiên tòa, xét thấy: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

+ Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đàm Mạnh T trình bày tại phiên tòa, xét thấy: Có một phần phù hợp với nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

- Về án phí: Bị cáo Đàm Mạnh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đàm Mạnh T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của Cơ quan tổ chức”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; khoản 1 Điều 266; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đàm Mạnh T **05 (Năm) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, **06 (Sáu) tháng tù** về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của Cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung là **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2015.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu huỷ 01 thẻ ngân hàng V số TK 0341006980687 mang tên Đỗ Văn T (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/12/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Trả lại cho bị cáo Đàm Mạnh T số tiền 1.060.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).

(Theo biên biên lai thu tiền số 03037 ngày 24/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đàm Mạnh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Đàm Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị Kim C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Hùng